

NHẬN DIỆN THƯƠNG MẠI LÂM SẢN VIỆT – TRUNG

Nguyễn Tôn Quyền
Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt nam

I. Tình hình xuất, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và Trung Quốc

Thương mại lâm sản Việt – Trung tính từ năm 2000 đến nay gia tăng nhanh chóng nhưng diễn biến theo các chiều hướng khác nhau. Các hoạt động thương mại lâm sản Việt – Trung bao gồm 2 hoạt động thương mại: Nhập khẩu gỗ từ Trung Quốc, xuất khẩu sản phẩm gỗ từ Việt Nam sang Trung Quốc và một hoạt động thu hút vốn đầu tư (FDI) của Trung Quốc.

1. Việt nam nhập khẩu gỗ từ Trung Quốc

1.1. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong vài năm gần đây đã gia tăng nhanh chóng. Nếu năm 2000, nhập khẩu gỗ từ Trung Quốc chỉ đạt 30 triệu USD thì đến năm 2013 đã đạt 201 triệu USD và 6 tháng năm 2014 đạt 85 triệu USD.

1.2. Tuy tốc độ nhập khẩu gỗ từ Trung Quốc tăng nhanh và giá trị nhập khẩu tăng cao nhưng so với tổng kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam thì giá trị kim ngạch nhập gỗ của Trung Quốc chỉ đạt 15% (201 triệu USD/1.360 triệu USD).

1.3. Tính đến nay Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ 23 quốc gia khác nhau bao gồm các nước Đông nam Á, các nước Bắc Mỹ, các nước Mỹ la tinh, các nước EU và các nước Châu Đại Dương. Trong đó nhập khẩu gỗ từ các nước Đông Nam Á (ASEAN) năm 2013 đạt 760 triệu USD và 6 tháng đầu năm 2014 đạt 630 triệu USD cao hơn gấp 3 đến 4 lần so với Trung Quốc.

Việt Nam cũng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các nước Bắc Mỹ, năm 2013 đạt 225 triệu USD và 6 tháng đầu năm 2014 đạt 103 triệu USD.

1.4. Các chủng loại gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc: gồm mấy loại chính như sau:

- Các loại ván nhân tạo (MDF, ván ghép thanh, ván dán,...);
- Nguyên liệu gỗ ở dạng sơ chế và chi tiết sản phẩm gỗ;
- Đồ mộc gia dụng.

Trong đó các loại ván nhân tạo chiếm 30%, đồ mộc gia dụng chiếm 20% còn lại nguyên liệu gỗ sơ chế và chi tiết sản phẩm gỗ chiếm 50%.

1.5. Nhận xét, đánh giá

Qua các nội dung phân tích nêu trên, có thể đánh giá như sau:

Việt Nam hiện nay và sau nay ít lệ thuộc vào Trung Quốc về việc nhập gỗ nguyên liệu;

- Đối với gỗ nguyên liệu ở dạng sơ chế và chi tiết sản phẩm khối lượng nhập khẩu không lớn và Việt nam có thể cung cấp được;
- Đối với các loại ván nhân tạo: Việt nam hiện nay đã và đang xây dựng 11 nhà máy sản xuất các loại ván nhân tạo và sẽ đạt được 1,5 triệu m³ sản phẩm/năm vào năm 2020;

Như vậy trong vài năm tới Việt nam sẽ không nhập khẩu các loại ván nhân tạo từ Trung Quốc.

Việt nam là một trong số ít các quốc gia trên thế giới có diện tích rừng trồng nằm trong TOP 10 của thế giới, sản lượng gỗ rừng trồng hàng năm cũng tăng lên đáng kể. Năm 2013 đã khai thác được 17 triệu m³ và dự kiến đến năm 2020 sẽ đạt trên 20 triệu m³. Theo đó Việt nam các năm tới sẽ hạn chế đến mức tối đa nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Trung Quốc.

2. Việt Nam xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Trung Quốc

2.1. Trong 10 năm gần đây (2005 – 2014), các sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc tăng cả về số lượng và giá trị kim ngạch. Năm 2005 chỉ đạt 50 triệu USD thì đến năm 2013 đã đạt trên 740 triệu USD. Trong vòng chưa đầy 10 năm đã tăng lên 15 lần.

2.2. Các loại sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc gồm:

- Gỗ tròn các loại Việt Nam nhập khẩu từ Lào, Campuchia tái xuất sang Trung Quốc;
- Gỗ lóng đường kính nhỏ từ rừng trồng của Việt Nam;
- Các loại gỗ nguyên liệu ở dạng sơ chế như: dăm mảnh, gỗ palet, gỗ bóc,...;
- Các sản phẩm gỗ mỹ nghệ.

2.3. Tỷ trọng về giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc như sau:

- Các loại gỗ nguyên liệu ở dạng sơ chế (dăm mảnh, gỗ bóc, ...) chiếm 80% giá trị kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam;
- Các loại khác chỉ chiếm 20%, trong đó có gỗ mỹ nghệ chiếm 5%;

- Năm 2013 giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 740 triệu USD, trong đó giá trị xuất khẩu các loại gỗ nguyên liệu ở dạng sơ chế chiếm gần 600 triệu USD.

2.4. Nhận xét, đánh giá

Hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc có mấy điểm chủ yếu đáng quan tâm, xem xét như sau:

- Tuy giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc đạt cao (năm 2013 đạt 740 triệu USD) nhưng giá trị gia tăng thấp, lợi nhuận thu lại thấp và kìm hãm quản lý rừng bền vững. Vì chủ yếu các thương nhân của Trung Quốc mua các loại sản phẩm gỗ ở dạng sơ chế, áp dụng công nghệ thiết bị lạc hậu, cũ kỹ và không thân thiện với môi trường;
- Hậu quả của việc thương nhân Trung Quốc thu mua các loại sản phẩm thô nêu trên đã tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh về thu mua gỗ nguyên liệu từ rừng trồng giữa các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất các loại ván nhân tạo, sản xuất giấy và sản xuất đồ mộc với các thương nhân Trung Quốc. Đồng thời cũng tạo ra áp lực đối với các hộ gia đình nông dân trồng rừng ở nông thôn, miền núi vì thiếu vốn, thiếu thông tin thị trường nên phải chặt hạ rừng non đường kính nhỏ để bán cho thương nhân Trung Quốc thu mua với giá cao hơn doanh nghiệp Việt Nam. Điều đó đã dẫn tới tình trạng diện tích rừng trồng của các hộ gia đình không bền vững và không thể nuôi dưỡng thành rừng trồng gỗ lớn được.
- Việc bán rừng non cho các thương lái Trung Quốc đã đem lại những thiệt hại cho cả nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Giá mua 1 m³ gỗ có đường kính nhỏ từ rừng trồng non chỉ thu được từ 800.000 – 1.000.000 VNĐ/m³ và năng suất chỉ đạt 60- 70m³/1ha, nếu được nuôi dưỡng những cánh rừng non đó thêm 2-3 năm nữa sẽ có cây gỗ có đường kính từ 18 – 25cm sẽ bán được giá từ 2.5 – 3.0 triệu đồng/1 m³ với năng suất sẽ đạt từ 100 – 120 m³/1ha.

Từ những nội dung nêu trên Việt Nam rất cần có chiến lược và tự chủ đối với tình trạng thu mua vơ vét tài nguyên rừng Việt Nam.

II. Tổng quan về thu hút vốn đầu tư (FDI) từ Trung Quốc

Tình hình thu hút các doanh nghiệp FDI của Trung Quốc trong lĩnh vực chế biến thương mại lâm sản như sau:

Tính từ 1996 đến tháng 3/2014, tổng số doanh nghiệp FDI của Trung Quốc đã được cấp giấy chứng nhận và đang sản xuất tại Việt Nam là 51 doanh nghiệp, chiếm 7% trên tổng số doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực lâm nghiệp.

Trong đó phân ra các **loại hình sản xuất** như sau:

- Sản xuất dăm mảnh: 6 doanh nghiệp có cơ sở sản xuất tại các tỉnh: Đồng Tháp, Long an và Quảng Ninh và thu mua dăm mảnh của các hộ gia đình ở các tỉnh: Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Giang....
- Sản xuất các loại ván nhân tạo dưới dạng thô như: gỗ bóc tròn, gỗ palet, làm bao bì gồm 12 doanh nghiệp có cơ sở sản xuất tại các tỉnh phía Bắc như: Bắc Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Yên Bái, Phú Thọ và Lào Cai.
- Sản xuất đồ gỗ xuất khẩu gồm 22 doanh nghiệp chủ yếu tập trung ở các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai.
- Kinh doanh nguyên liệu gỗ: gồm 5 doanh nghiệp ở Quảng Trị, Bắc Ninh, Đồng Nai.
- Sản xuất các thiết bị và vật liệu phụ trợ cho chế biến gỗ gồm 6 doanh nghiệp tập trung ở Bình Dương và Đồng Nai.

Trong tổng số 51 doanh nghiệp FDI của Trung Quốc thì trên 50% số doanh nghiệp (23 doanh nghiệp) chuyên kinh doanh nguyên liệu thô, 6 doanh nghiệp kinh doanh các loại nguyên vật liệu phụ trợ và 22 doanh nghiệp kinh doanh đồ gỗ xuất khẩu. Tổng vốn đầu tư của 51 doanh nghiệp FDI từ Trung Quốc chỉ đạt 85,28 triệu USD chiếm 0,31% trên tổng số vốn đầu tư của các doanh nghiệp FDI lâm nghiệp (2.730 tỷ USD).

Vốn đầu tư của một doanh nghiệp FDI: lớn nhất là 5 triệu USD và nhỏ nhất là 0,1 triệu USD;

Các doanh nghiệp FDI của Trung Quốc hầu hết áp dụng **công nghệ** lạc hậu, thiết bị cũ kỹ. Trong 22 doanh nghiệp kinh doanh đồ gỗ xuất khẩu chủ yếu là sử dụng thiết bị lắp ráp và hoàn thiện sản phẩm, không có một dây chuyền công nghệ hoàn chỉnh nào để sản xuất đồ gỗ xuất khẩu từ A- Z;

Từ những số liệu và phân tích nêu trên có thể rút ra một số nhận xét sau:

- Các doanh nghiệp FDI của Trung Quốc chủ yếu kinh doanh nguyên liệu gỗ và các loại vật liệu phụ trợ;
- Quy mô doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ cả về vốn đầu tư và sử dụng lao động;

- Các doanh nghiệp FDI này chuyển tải các loại chi tiết sản phẩm gỗ của các loại gỗ sơ chế từ Trung Quốc sang Việt Nam để lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm, đóng nhãn xuất xứ từ Việt Nam để trốn thuế và tránh bị kiện bán phá giá xuất khẩu sang Mỹ và EU.
- Các tác động tích cực của FDI Trung quốc đối với doanh nghiệp gỗ Việt Nam là rất hạn chế.

III. Đề xuất một số định hướng và giải pháp đối với thương mại lâm sản Việt Nam – Trung Quốc

1. Định hướng

1.1. Thương mại lâm sản Việt Nam – Trung Quốc tính đến nay (2014) Việt Nam vẫn luôn giữ vị trí xuất khẩu nhiều hơn nhập khẩu. Tuy giá trị kim ngạch xuất cao nhưng giá trị gia tăng thấp, vì vậy trong thời gian tới cần *hạn chế tối đa xuất khẩu các loại dăm mảnh, gỗ palet và gỗ bóc vào Trung Quốc*. Năm 2013 Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc hơn 4,5 triệu tấn dăm mảnh thô được sản xuất từ 8 triệu m³ gỗ rừng trồng, nhưng kim ngạch chỉ đạt 540 triệu USD. 01 tấn dăm xuất khẩu chỉ đạt 125 – 130 USD trong khi đó phải cần 02 m³ nguyên liệu, giá bình quân chỉ từ 63- 65 USD/m³. 01 m³ sản phẩm gỗ hoàn chỉnh gia bình quân 1.100 đến 1.200 USD cũng chỉ cần 2 -2.2 m³ gỗ nguyên liệu. Như vậy 1 m³ gỗ nguyên liệu sản xuất đồ mộc xuất khẩu đạt giá trị cao hơn từ 4-5 lần để sản xuất dăm xuất khẩu.

1.2. Cần có cuộc vận động tuyên truyền các chủ rừng trồng của Việt Nam (các hộ gia đình trồng rừng, các công ty trồng rừng,...) *thay đổi tư duy kinh doanh bán gỗ từ rừng non đường kính nhỏ sang bán gỗ đã đủ tuổi khai thác* với đường kính lớn để đem lại giá trị gia tăng cao hơn và thích ứng với quản lý rừng bền vững.

1.3. Giữa Việt Nam – Trung Quốc có hàng ngàn km biên giới, Trung Quốc có nhu cầu lớn về nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam, tuy nhiên lại được bán xuất qua đường tiểu ngạch. Việc xuất khẩu qua đường tiểu ngạch đối với hộ gia đình trồng rừng và các công ty tư nhân trồng rừng quy mô nhỏ chỉ nhìn thấy lợi ích trước mắt là giao hàng nhanh, thanh toán trực tiếp, thủ tục không phiền hà và dễ trốn thuế ,... chứ chưa nhìn thấy các thương lái Trung Quốc luôn luôn thu mua bấp bênh, giá cả thấp và chứa đựng nhiều rủi ro mà thiệt hại luôn thuộc về phía Việt Nam.

Từ thực trạng đó, trong thời gian tới Việt Nam cần *xây dựng được chiến lược và hệ thống giải pháp* thương mại giữa Việt Nam – Trung Quốc để đảm bảo nâng cao hiệu quả của các mặt hàng lâm sản của Việt Nam.

Để thoát khỏi tình trạng các thương nhân Trung Quốc thu mua, vơ vét nguyên liệu thô của Việt Nam, cần phải *xúc tiến những liên kết sản xuất từ trồng rừng, khai thác, thu mua nguyên liệu thô thông qua các doanh nghiệp trong nước* có kinh nghiệm, đáng tin cậy đã làm việc lâu năm với Trung Quốc để ký hợp đồng với hộ gia đình và chủ rừng nhỏ bao tiêu toàn bộ sản phẩm gỗ rừng trong bán cho Trung Quốc.

2. Đề xuất một số giải pháp chủ yếu

- Đề nghị nhà nước nên có *chính sách khuyến khích phát triển thị trường gỗ nội địa* để nâng cao sức cạnh tranh với đồ gỗ Trung Quốc.
- Đề nghị nhà nước nghiên cứu xây dựng, bổ sung *hoàn thiện chính sách thu hút FDI nhằm khắc phục những tồn tại yếu kém của doanh nghiệp FDI.*

Qua phân tích 51 doanh nghiệp FDI của Trung Quốc nêu trên thì có đến 50% doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thô, kinh doanh nguyên liệu và vật liệu phụ trợ; 20 doanh nghiệp chế biến sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu cũng chỉ áp dụng công nghiệp chế biến lác huậ (100% thiết bị của Trung Quốc) và có nhiều doanh nghiệp FDI của Trung Quốc chủ yếu thực hiện công đoạn lắp ráp chi tiết được chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam dưới dạng xuất khẩu nguyên liệu và bán sản phẩm để hoàn thiện sản phẩm xuất khẩu sang nước thứ 3 nhằm trốn thuế và tránh các vụ kiện chống bán phá giá tại các nước nhập khẩu.

- Nhà nước sớm ban hành *chính sách xúc tiến xây dựng các trung tâm giao dịch gỗ* tại 3 miền Bắc, Trung, Nam để hạn chế tối đa các thương lái Trung Quốc gây rối loạn thị trường gỗ Việt Nam.
- Đối với các hộ gia đình và công ty tư nhân trồng rừng tại các tỉnh phía Bắc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước các cấp *chủ trì, vận động các doanh nghiệp chế biến gỗ Việt Nam liên kết với các hộ gia đình và các công ty trồng rừng* trên địa bàn nhằm bao tiêu hết các loại gỗ trồng rừng trên nguyên tắc ổn định, lâu dài và có lợi ích cho cả hai bên./.

—————//—————